

Bản án số: 09/2018/HC-ST

Ngày: 01-02-2018

*V/v khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ
khi thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại
đối với quyết định bồi thường, hỗ trợ.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Trân.

2. Bà Đào Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2017/HCST ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định bồi thường, hỗ trợ*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HC ngày 15/01/2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Đỗ Tú T**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư **B** – Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người bị kiện:

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.**

2. **Ủy ban nhân dân huyện P.**

Địa chỉ: khu phố 02, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đỗ Tú T trình bày:

Ngày 12/6/2012 Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 2704/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 113m² và Quyết định 2706/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 54,7m² của ông Đỗ Tú T tại thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án cải tạo và mở rộng tuyến đường giao lộ Hùng Vương – Nguyễn Trung Trực. Tổng diện tích đất ông T bị thu hồi tại hai quyết định là 167,7m².

Ngày 15/6/2012 Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 4050/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông T số tiền 380.765.800 đồng và Quyết định số 4059/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông T số tiền 119.683.600 đồng. Tổng cộng ông T được bồi thường, hỗ trợ 500.449.400 đồng. Trong đó hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư với số tiền 391.612.000 đồng.

Ông T cho rằng phần đất bị thu hồi của ông là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm có nhà ở trên cùng thửa đất nên phải được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang), cụ thể như sau: *“Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi...đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 60% giá đất ở của thửa đất đó theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hàng năm”*. Ủy ban nhân dân huyện P chỉ hỗ trợ cho ông T 40% giá đất ở đối với diện tích đất 167,7m² là không đúng.

Ông T đã khiếu nại Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P đến Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc, yêu cầu nâng mức hỗ trợ từ 40% lên 60% giá đất ở đối với diện tích đất 167,7m².

Ngày 11/9/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 8651/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P, không thừa nhận nội dung đơn khiếu nại của ông T yêu cầu nâng mức hỗ trợ từ 40% lên 60% giá đất ở đối với diện tích đất 167,7m².

Không đồng ý với nội dung giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

P, ngày 31/10/2017 ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4050/QĐ-UBND, Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P và hủy Quyết định số 8651/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết nâng mức hỗ trợ từ 40% lên 60% giá đất ở đối với diện tích 167,7m² theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Ủy ban nhân dân huyện P: Đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc ban hành quyết định bị kiện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của người bị kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông T rút lại yêu cầu hủy Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P vì số tiền bồi thường, hỗ trợ theo hai quyết định này ông đã nhận đủ. Rút yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định hỗ trợ bổ sung thêm 20% giá đất ở đối với diện tích đất 54,7m² vì phần đất này không có nhà ở trên đất và không cùng thửa với diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P.

- Ông Đỗ Tú T xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 8651/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định hỗ trợ bổ sung thêm cho ông 20% giá đất ở đối với diện tích đất 113m² bị thu hồi.

Ông T cho rằng căn nhà ông cất để cho thuê nằm trên phần đất 113m² bị thu hồi theo Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 Ủy ban nhân dân huyện P. Ủy ban nhân dân huyện P đã thừa nhận và bồi thường tiền xây dựng nhà cho ông nhưng chỉ hỗ trợ 40% giá đất ở cho ông là không đúng. Ông đã khiếu nại nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P không chấp nhận khiếu nại của ông. Phần đất không có nhà là phần đất bị thu hồi 54,7m² thuộc thửa đất khác, ông T đồng ý việc hỗ trợ đối với thửa đất này bằng 40% nên chỉ yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định hỗ trợ bổ sung thêm 20% giá đất ở đối với diện tích 113m².

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị Tòa án chấp

nhận yêu cầu của ông T.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với người bị kiện không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có văn bản ghi ý kiến về yêu cầu của người khởi kiện gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã nhận đơn khiếu nại của ông T từ năm 2012 nhưng đến năm 2017 mới giải quyết khiếu nại là vi phạm thời gian giải quyết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân.

Căn cứ vào nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và lời trình bày của ông T có đủ căn cứ để xác định: Thửa đất diện tích 113m² ông T bị thu hồi là đất vườn có nhà ở. Căn cứ khoản 1 Điều 17 Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thì ông T phải được hỗ trợ 60% giá đất ở. Ủy ban nhân dân huyện P chỉ hỗ trợ 40% là không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, hủy Quyết định số 8651/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định hỗ trợ bổ sung thêm 20% giá đất ở tại thời điểm ban hành quyết định đối với diện tích đất 113m² đã thu hồi của ông T.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P khắc phục tình trạng kéo dài thời gian giải quyết khiếu nại để tránh gây thiệt hại cho công dân.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P; đình chỉ yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định hỗ trợ bổ sung 20% giá đất ở đối với diện tích đất 54,7m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P; Quyết định số 8651/QĐ-UBND ngày

11/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4050/QĐ-UBND, Quyết định số 4059/QĐ-UBND và Quyết định số 8651/QĐ-UBND) là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, đồng thời là đại diện của Ủy ban nhân dân huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

Tại phiên tòa ông T rút lại yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P. Rút yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định hỗ trợ bổ sung thêm 20% giá đất ở đối với diện tích đất 54,7m². Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông T hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà ông T đã rút khởi kiện.

[2] Về nội dung:

Ngày 12/6/2012 Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 2704/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 113m² và Quyết định 2706/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 54,7m² của ông Đỗ Tú T tại thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án cải tạo và mở rộng tuyến đường giao lộ Hùng Vương – Nguyễn Trung Trực. Tổng diện tích đất ông T bị thu hồi tại hai quyết định là 167,7m². Ngày 12/6/2012 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với tổng diện tích đất 167,7m² của ông T theo hai quyết định thu hồi đất nêu trên.

Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Đỗ Tú T không nêu rõ áp dụng Điều, Khoản nào tại Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang để hỗ trợ cho ông T. Tuy nhiên, tại nội dung Quyết định số 8651/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông T thể hiện: Ông T được hỗ trợ 40% giá đất ở đối với diện tích đất 167,7m² theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang với số tiền 391.612.000 đồng; Ủy ban nhân dân huyện P chỉ hỗ trợ 40% giá đất ở cho ông T vì cho rằng ông T có Giấy phép xây dựng tạm số 01/GPXDT do Ban Quản lý phát triển đảo Phú Quốc cấp ngày 13/5/2009 nhưng qua kiểm tra thực tế ông T chỉ cất 03 căn nhà trọ trên đất để cho thuê nên không thuộc trường hợp có nhà ở trên đất.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông T (khiếu nại hỗ trợ thêm 20% đối với diện tích đất 113m² bị thu hồi) là không phù hợp. Trên thực tế diện tích đất 113m² ông T bị thu hồi Ủy ban nhân dân huyện P đã bồi thường vật kiến trúc cho ông T với số tiền 77.309.800 đồng. Cát nhà cho thuê trọ cũng là nhà để ở, khi xây dựng cũng phải xin phép thì khi bồi thường cũng phải áp dụng quy định: Đất vườn có nhà ở nằm dọc tuyến đường giao thông để hỗ trợ 60% giá đất ở đối với diện tích 113m² cho ông T.

Vì vậy cần phải hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8651/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định hỗ trợ bổ sung cho ông T theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P khắc phục tình trạng chưa tuân thủ thời hạn giải quyết khiếu nại trong những vụ việc sắp tới.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tú T, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tú T.

Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Đỗ Tú T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng. Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 173 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 17 Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; khoản 6 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi

tiết thi hành Luật đất đai; điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Đỗ Tú T về việc: Hủy Quyết định số 4050/QĐ-UBND và Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cải tạo và mở rộng tuyến đường giao lộ Hùng Vương – Nguyễn Trung Trực cho ông Đỗ Tú T và buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định hỗ trợ bổ sung thêm 20% giá đất ở đối với diện tích 54,7m².

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tú T:

Hủy Quyết định số 8651/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Tú T, thường trú tại k thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định hỗ trợ bổ sung thêm 20% giá đất ở đối với diện tích đất 113m² của ông Đỗ Tú T theo đúng quy định của pháp luật.

3. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P khắc phục tình trạng chưa tuân thủ thời hạn giải quyết khiếu nại trong những vụ việc sắp tới.

4. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.
- Hoàn trả cho ông Đỗ Tú T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000968 ngày 23/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;

(đã ký)

- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Cẩm Thu